

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST

Ngày 19/9/2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Túc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tân

2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quý - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh

N

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 19/9/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2019/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1989.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Tăng Long, xã Tịnh L, thành phố Q, tỉnh N.

Hiện nay cư trú: Thôn Hòa Bân, xã Tịnh T, thành phố Q, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Hồ Văn M, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn Tăng Long, xã Tịnh L, thành phố Q, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/02/2019, đơn trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng ngày 26/2/2019, bản tự khai ngày 11/3/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Hồ Văn M trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu với nhau, sau đó đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tịnh L vào ngày 28/9/2012.

Sau khi kết hôn vợ chồng chị T, anh M chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do giữa chị T và anh M

không cùng quan điểm sống, anh M không quan tâm, chăm sóc gia đình, bỏ bê vợ con. Chị T đã nhiều lần cố gắng khuyên bảo anh M nhưng anh M không nghe, vì thương con, không muốn con mình sống thiếu tình cảm của cha nên chị T cố nhẫn nhịn, chịu đựng cho thời gian trôi qua để vợ chồng hàn gắn nhưng tất cả đều không có kết quả, càng ngày vợ chồng chị T, anh M càng sống xa nhau dần. Chị T và anh M đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh M cũng không có quan tâm, động viên, thăm hỏi để vợ chồng chị T và anh M đoàn tụ mà phần ai nấy sống, anh M để chị T tự nuôi dạy con cái và không có trách nhiệm gì cả.

Vì vậy, nay chị T thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh M không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh Hồ Văn M.

Về con chung: Chị T và anh M có 01 con chung tên là Hồ Đăng Nhã T, sinh ngày 17/3/2013, khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con. Trong đơn khởi kiện chị T yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi nhưng tại bản tự khai ngày 11/3/2019 và tại phiên tòa chị T thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con vì hiện tại chị T đã có đầy đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T khai không có tài sản chung.

Về nợ chung: Chị T khai không có.

Bị đơn anh Hồ Văn M vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và cũng không có văn bản yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý đơn, giải quyết vụ án, Thẩm phán đã làm đúng theo quy định của pháp luật; thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng mối quan hệ tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo đúng thành phần Hội đồng xét xử, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự, thẩm vấn và tranh luận khách quan. Điều hành phiên tòa đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án bị đơn không đến Tòa án để làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh M vắng mặt lần thứ hai không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng pháp luật theo Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án: Mâu thuẫn giữa chị T, anh M đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T được ly hôn anh M. Về con chung chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị T, giao con chung của chị T, anh M là cháu Hồ Đăng Nhã T, sinh ngày 17/3/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh M không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị T khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần tố tụng dân sự: Chị Đặng Thị T có đơn khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Hồ Văn M có địa chỉ tại thôn Tăng Long, xã Tịnh An, thành phố Q, tỉnh N. Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh N đã thụ lý vụ án đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, anh Hồ Văn M vắng mặt lần thứ hai không có lý do không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T đăng ký kết hôn với anh Hồ Văn M năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Tịnh L, thành phố Q, tỉnh N. Quá trình chung sống chị T và anh M không tin tưởng nhau, không hòa hợp trong tính tình, cách sống nên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Sau nhiều lần chị T động viên, khuyên bảo anh M vẫn không thay đổi tính tình, cách sống nên chị T và con bỏ về nhà cha mẹ đẻ chị T sinh sống từ năm 2013 đến nay. Tại biên bản làm việc ngày 15/8/2019 với cha đẻ anh M thể hiện được anh M đã biết được việc chị T có yêu cầu ly hôn và yêu cầu được nuôi con nhưng anh M vẫn không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và cũng không có văn bản yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ. Điều này chứng tỏ anh M không có thiện ý trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T. Tại phiên tòa chị T vẫn yêu cầu được ly hôn anh M. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh M đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc xin ly hôn anh M.

[3] Về con chung: Chị Đặng Thị T và anh Hồ Văn M có 01 con chung tên là Hồ Đặng Nhã T, sinh ngày 17/3/2013, hiện nay cháu đang sống cùng chị T tại nhà mẹ đẻ của chị T tại: Đội 1, thôn Hòa Bân, xã Tịnh T, thành phố Q, tỉnh N. Trong đơn khởi kiện chị T yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi nhưng tại bản tự khai ngày 11/03/2019 và tại phiên tòa chị T rút yêu cầu không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con vì hiện tại chị T đã đủ điều kiện nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng được nuôi con của chị T là chính đáng, phù hợp với điều kiện sinh sống của chị T và cháu Trâm, chị T có công việc mua bán tự do thu nhập khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng mỗi tháng. Đồng thời, để ổn định về mặt tâm lý cũng như về điều kiện sinh hoạt của cháu Trâm nên Hội đồng xét xử giao con chung của chị T và anh M là cháu Hồ Đặng Nhã T, sinh ngày 17/3/2013 cho chị T được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh M không cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Chị Đặng Thị T khai không có tài sản chung nên Hội

đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Đặng Thị T khai không có nợ tài sản của ai nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[7] Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử, có căn cứ và đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- **Căn cứ vào:** Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị T được ly hôn anh Hồ Văn M.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị T về việc yêu cầu anh Hồ Văn M cấp dưỡng nuôi con.

- Giao con chung tên là Hồ Đặng Nhã T, sinh ngày 17/3/2013 cho chị Đặng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh Hồ Văn M không cấp dưỡng nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí về Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0000419 ngày 05/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

- Chị Đặng Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Hồ Văn M vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày bản án được giao cho anh M hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND TP. Q;
- Chi cục THADS TP. Q;
- UBND xã Tịnh L
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Túc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Túc